CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP 382 Đông Anh

Ngày 31/12/2025	6,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**40.0%**

DT thuần
Q4/25
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2025
8.5%
YoY: +/-▲ 12.1%

ROE
2025
-93.3%
YoY: +/-▼ 134%

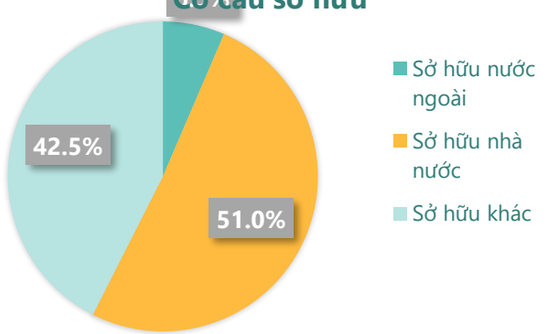
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 6,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6
Số lượng CPLH (CP)	1,004,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	6.5%
Beta	(0.56)
EPS	
P/E	

DT thuần
2025
49.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.2| 29.2%

LN thuần
2025
2.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.31| 224%

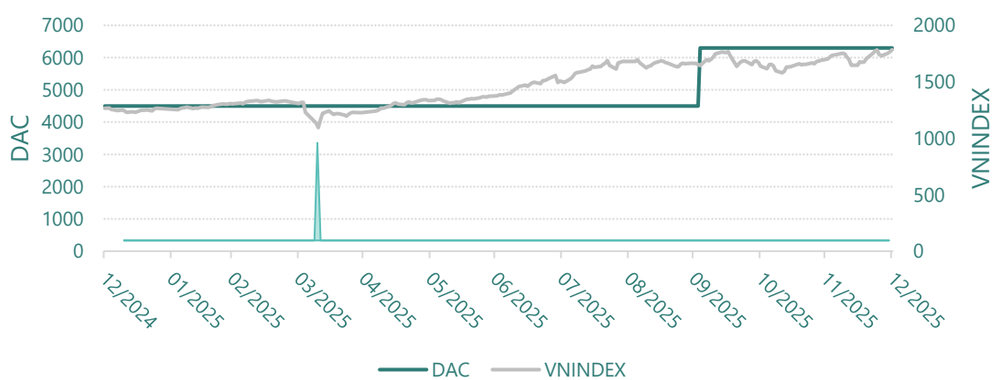
LN sau thuế
2025
3.67
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.62| 288%

Cơ cấu sở hữu

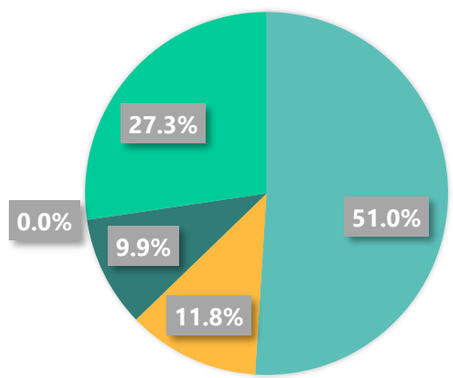


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

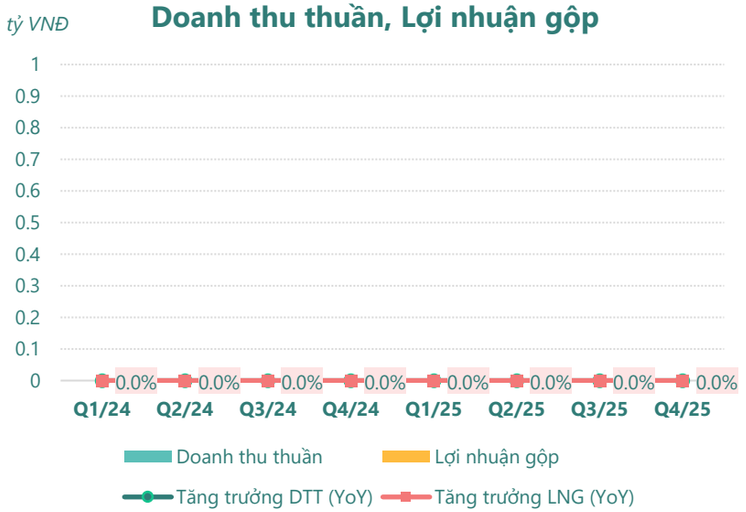


- Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam
- CTCP CSC Việt Nam
- Nguyễn Thị Hà (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

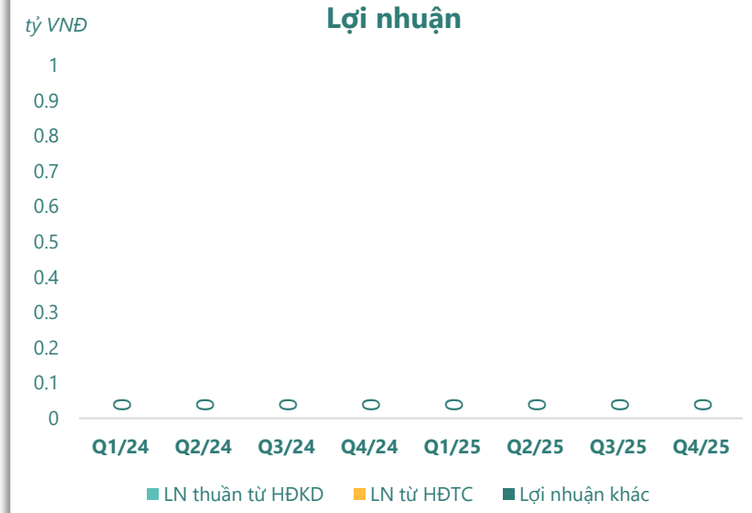
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



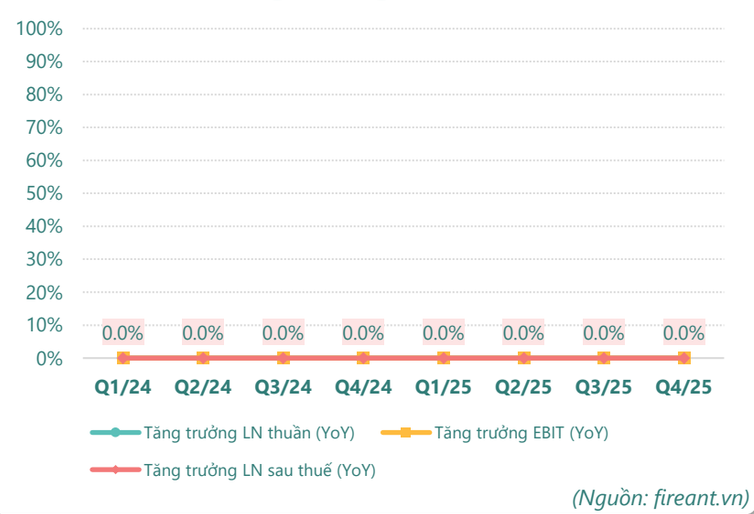
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



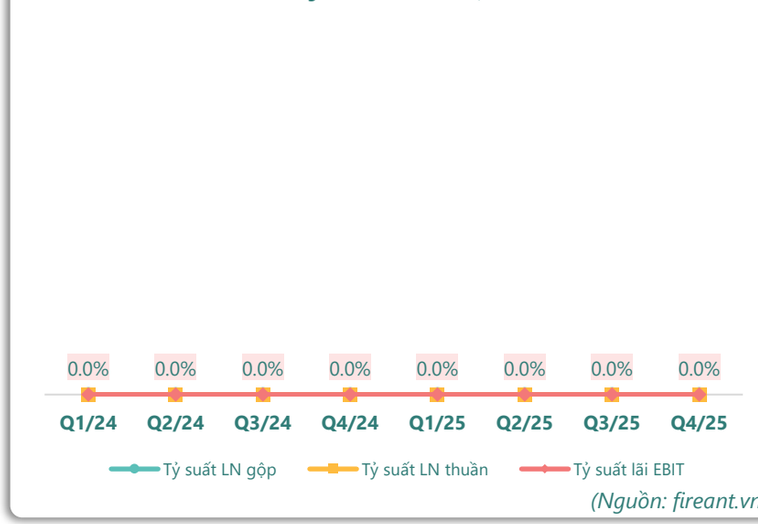
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



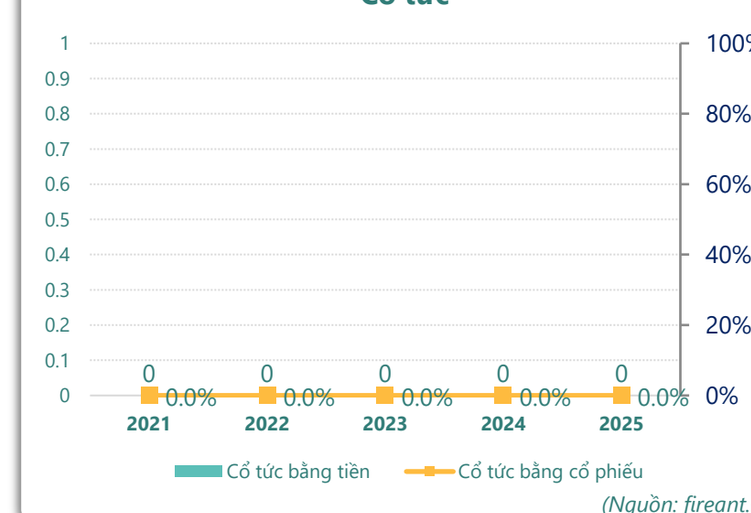
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

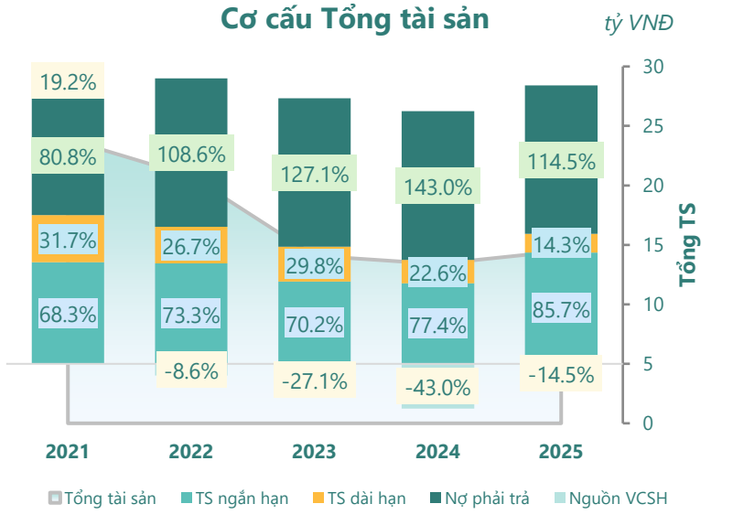
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

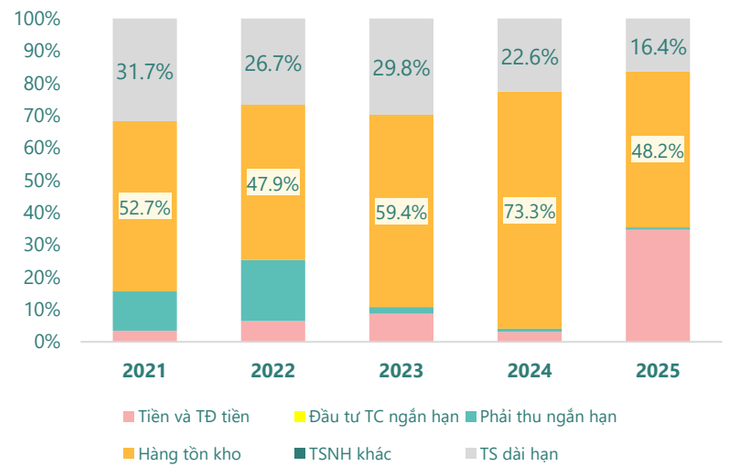
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



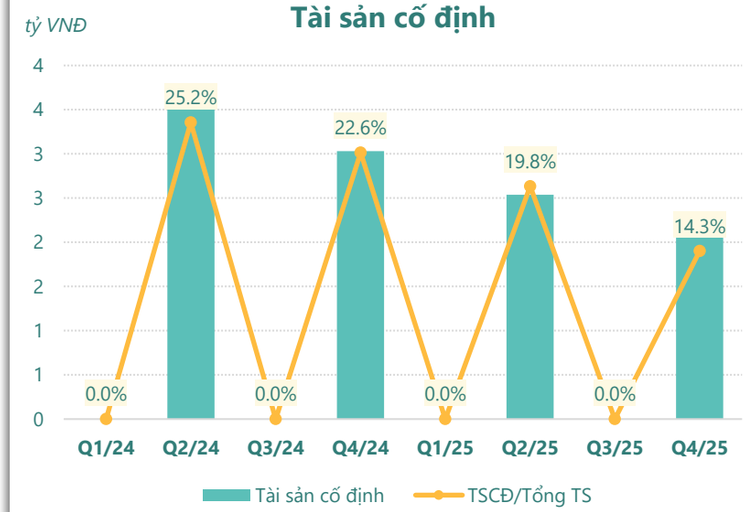
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



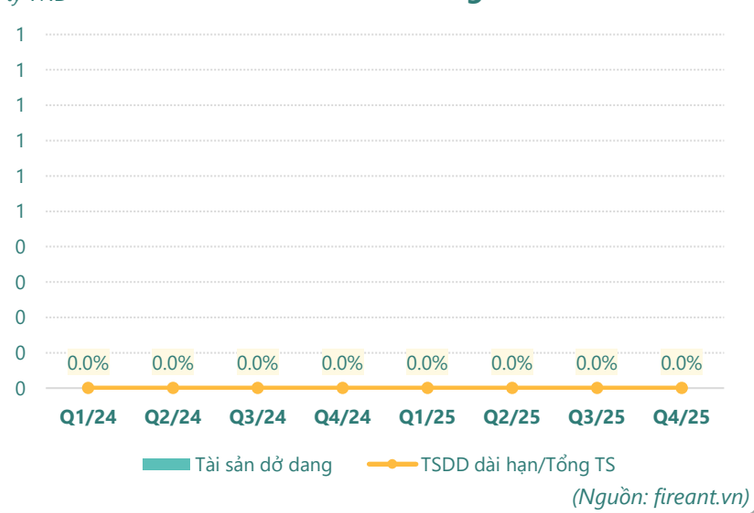
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



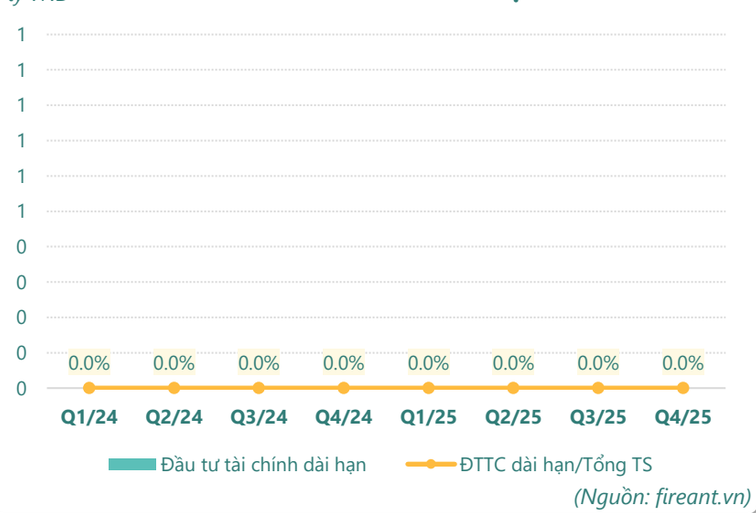
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



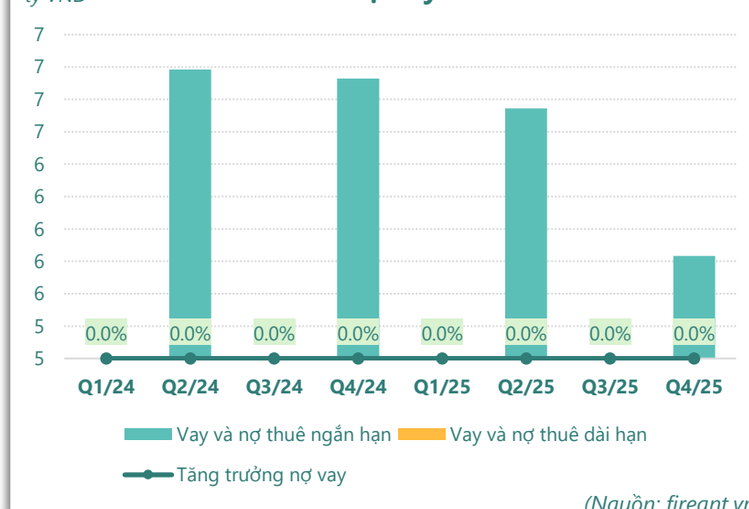
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

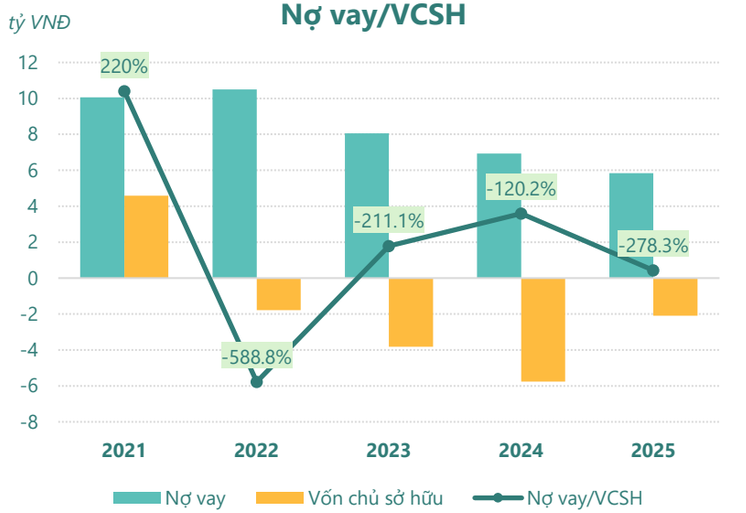
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

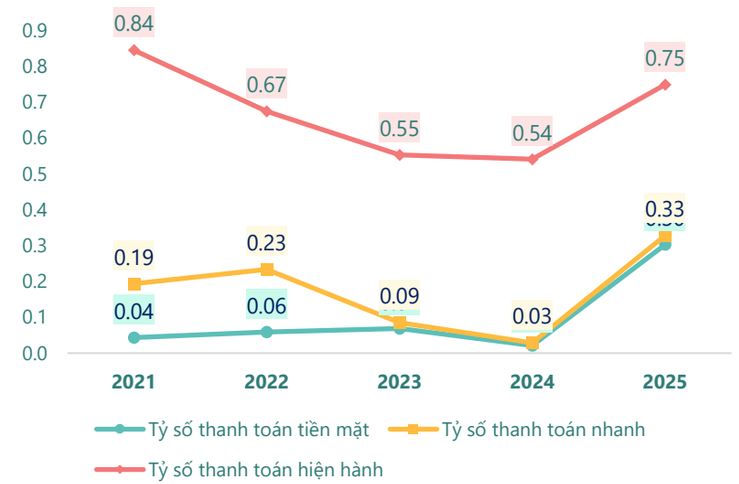
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



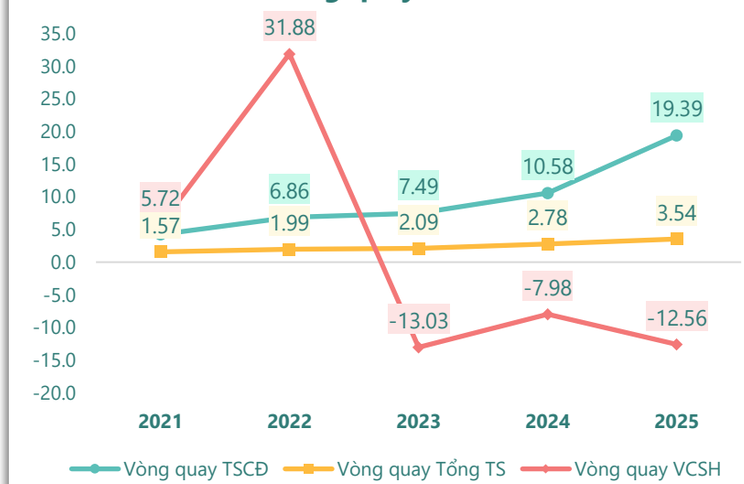
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



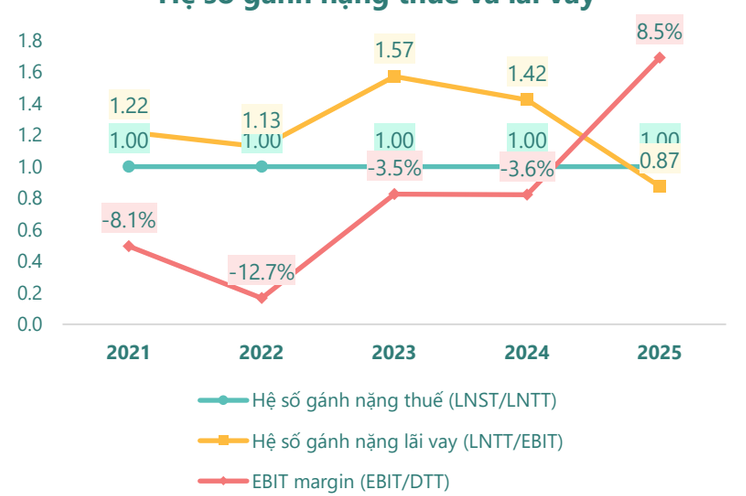
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



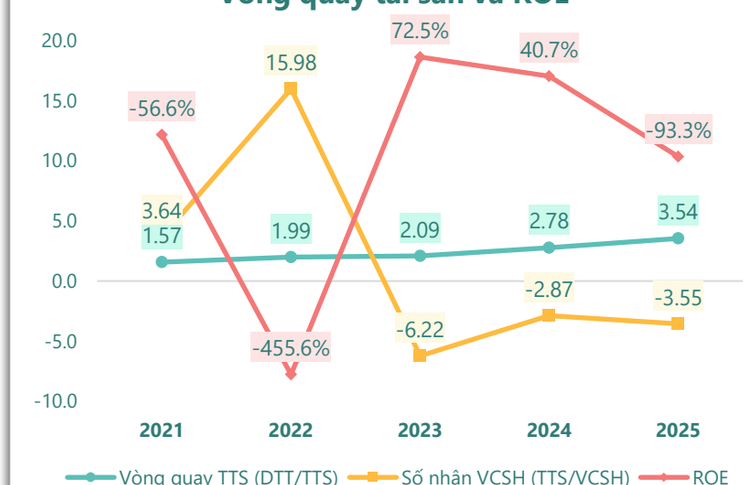
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



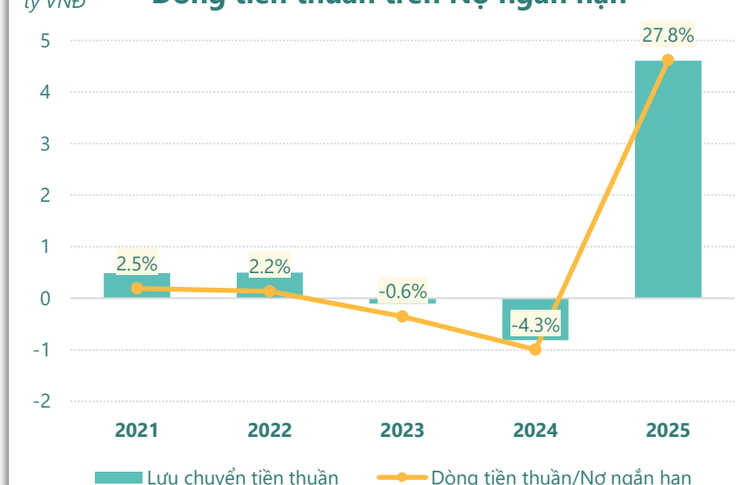
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**49.4**	**38.2**	**29.2%**
Giá vốn hàng bán				39.4	34.5	14.1%
Lợi nhuận gộp				10.0	3.69	171%
Doanh thu HĐTC				0.00	0.00	181%
Chi phí TC				0.53	0.58	-9.3%
Chi phí lãi vay				0.53	0.58	-9.3%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				0.94	1.12	-16.1%
Chi phí QLDN				**5.61**	**4.37**	**28.4%**
LN thuần từ HĐKD				2.94	-2.37	224%
Lợi nhuận khác				**0.73**	**0.42**	**73.8%**
LN trước thuế				3.67	-1.95	288%
Lợi nhuận sau thuế				**3.67**	**-1.95**	**288%**
LNST của CĐ cty mẹ				**3.67**	**-1.95**	**288%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**14.5**	**13.4**	**8.0%**
Tài sản ngắn hạn	12.4	10.4	19.7%
Tiền và tương đương tiền	5.02	0.41	1132%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.11	0.14	-25.1%
Hàng tồn kho	6.98	9.82	-28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**2.06**	**3.03**	**-31.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.06	3.03	-31.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.6	19.2	-13.5%
Nợ ngắn hạn	**16.6**	**19.2**	**-13.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.83	6.93	-15.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.78	6.99	-31.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-2.10**	**-5.76**	**63.6%**
Vốn chủ sở hữu	**-2.10**	**-5.76**	**63.6%**
Vốn điều lệ	10.0	10.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)